

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>	<b>5 - 8</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>	<b>9</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>	<b>10 - 11</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>	<b>12 - 35</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 26 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại : +84 (0254) 3577 450
- Fax : +84 (0254) 3577 451

Công ty có Chi nhánh đặt tại địa chỉ Vällebergsvägen 8, 459 30 Ljungskile, Thụy Điển.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Minh Kha	Chủ tịch	Ngày 12 tháng 12 năm 2011
Ông Johan Robert Fredriksson	Thành viên	Ngày 16 tháng 5 năm 2012
Ông Lê Xuân Mẫn	Thành viên	Ngày 23 tháng 6 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hiên	Trưởng ban	Ngày 06 tháng 9 năm 2023
Bà Lê Thị Thúy Hằng	Thành viên	Ngày 06 tháng 9 năm 2023
Bà Thiều Thị Huyền Trang	Thành viên	Ngày 06 tháng 9 năm 2023

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Mẫn	Giám đốc	Ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Lê Thế Duy	Phó Giám đốc	Ngày 27 tháng 01 năm 2023
Bà Đào Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc	Ngày 27 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Thiện Thuật	Phó Giám đốc	Ngày 10 tháng 8 năm 2023

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Minh Kha	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 01 tháng 6 năm 2017
Ông Lê Xuân Mẫn	Giám đốc	Ngày 27 tháng 02 năm 2017



# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Tập đoàn.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Lê Xuân Mẫn**  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 5 năm 2024



Số: 1.1090/24/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo đen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 5 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Hoàng Thái Vương**  
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1



**Nguyễn Hoàng Yên**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>157.604.431.669</b>	<b>203.835.716.980</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.344.616.500</b>	<b>1.320.907.785</b>
1. Tiền	111	V.1	5.344.616.500	1.320.907.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>35.725.719.872</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.000.000.000	35.725.719.872
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>68.484.092.720</b>	<b>50.321.182.717</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	64.066.515.339	24.834.537.490
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	837.415.687	3.533.685.466
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	20.050.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	6.449.867.234	4.474.695.576
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.869.705.540)	(2.571.735.815)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>80.079.962.576</b>	<b>114.123.412.339</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	80.079.962.576	114.123.412.339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>695.759.873</b>	<b>2.344.494.267</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	691.213.550	874.728.931
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		897.165	1.466.610.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3.649.158	3.155.160
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.939.433.924</b>	<b>26.043.563.462</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.221.033.847</b>	<b>1.266.370.027</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.221.033.847	1.266.370.027
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.543.237.459</b>	<b>18.409.927.579</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	14.190.040.173	15.913.063.086
- Nguyên giá	222		31.306.354.429	30.892.015.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.116.314.256)	(14.978.952.016)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.173.240.086	2.264.236.893
- Nguyên giá	225		5.713.704.492	3.131.022.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.540.464.406)	(866.785.216)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	179.957.200	232.627.600
- Nguyên giá	228		318.952.000	318.952.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.994.800)	(86.324.400)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.175.162.618</b>	<b>6.367.265.856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.175.162.618	6.367.265.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>179.543.865.593</b>	<b>229.879.280.442</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>104.159.630.651</b>	<b>157.068.340.530</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>96.724.961.586</b>	<b>150.336.236.245</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	16.595.409.915	15.994.910.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.489.635.776	8.160.218.542
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.457.181.388	11.232.555.225
4. Phải trả người lao động	314		6.129.643.125	11.340.414.774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	965.888.095	251.043.768
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	51.480.717	2.663.122
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.008.951.743	4.686.075.135
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	48.095.377.807	97.581.982.660
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20a	2.931.393.020	1.086.372.529
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.434.669.065</b>	<b>6.732.104.285</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	54.343.952	9.420.233
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	4.439.297.574	3.682.134.925
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20b	2.941.027.539	3.040.549.127
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

315-C  
TY  
HỮU H  
TÀ TƯ V  
C  
HỘ CH109-C  
TY  
N  
NHIỆT  
EN  
RIA-VU



# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.384.234.942</b>	<b>72.810.939.912</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>75.384.234.942</b>	<b>72.810.939.912</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	68.000.000.000	31.269.537.500
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.000.000.000	31.269.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	526.704.000	526.704.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.21	36.458.514	28.448.014
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	6.802.599.196	40.986.250.398
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		255.080.398	40.986.250.398
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.547.518.798	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	18.473.232	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>179.543.865.593</b>	<b>229.879.280.442</b>

TP. Vũng Tàu, ngày 27 tháng 5 năm 2024

  
Nguyễn Thị Mỹ Liên  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Lê Xuân Mẫn  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	308.145.695.686	329.001.928.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		308.145.695.686	329.001.928.903
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	256.297.959.521	259.844.046.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.847.736.165	69.157.882.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.001.396.058	2.365.725.202
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.440.573.010	11.952.203.541
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.331.272.898	10.912.733.422
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	397.760.771	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.872.113.468	18.116.970.192
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.138.684.974	41.454.433.513
12. Thu nhập khác	31	VI.7	15.205.042.114	1.287.780.156
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.010.494.622	306.118.462
14. Lợi nhuận khác	40		13.194.547.492	981.661.694
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.333.232.466	42.436.095.207
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.507.240.436	8.913.412.133
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.825.992.030	33.522.683.074
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.827.518.798	33.522.683.074
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.526.768)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.063	4.993
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.063	4.993

TP. Vũng Tàu, ngày 27 tháng 5 năm 2024

Nguyễn Thị Mỹ Liên  
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Xuân Mẫn  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.333.232.466	42.436.095.207
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.10;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11; V.12	4.242.578.813	3.856.770.773
- Các khoản dự phòng	03	V.7; V.20	2.043.468.628	1.129.165.848
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	(5.220.150)	13.222.398
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.210.043.424)	(1.755.095.371)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.331.272.898	10.912.733.422
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.735.289.231	56.592.892.277
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(37.674.883.366)	1.658.552.417
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.043.449.763	(23.462.978.992)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.461.866.374)	(6.814.167.248)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.375.618.619	13.064.971.785
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.4	(10.302.806.611)	(10.928.417.717)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(8.702.769.041)	(5.925.368.452)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.012.032.221</b>	<b>24.185.484.070</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.10	(3.312.012.843)	(1.993.069.588)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; VII	2.149.346.652	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a; V.5	(6.730.000.000)	(29.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a; V.5	59.505.719.872	3.473.759.761
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2; V.6a; VI.3	2.097.644.304	1.035.868.757
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>53.710.697.985</b>	<b>(26.733.441.070)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21a	-	1.795.534.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	133.912.588.772	153.051.886.173
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(183.690.282.927)	(135.236.483.016)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(2.332.647.336)	(990.327.584)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18; V.21	(17.588.680.000)	(17.100.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(69.699.021.491)</b>	<b>1.520.609.573</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.023.708.715</b>	<b>(1.027.347.427)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.320.907.785</b>	<b>2.348.276.818</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(21.606)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.344.616.500</b>	<b>1.320.907.785</b>

Nguyễn Thị Mỹ Liên  
Người lập/Kế toán trưởng



TP. Vũng Tàu, ngày 27 tháng 5 năm 2024

Lê Xuân Mẫn  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Lắp đặt hệ thống cách nhiệt; Thi công, lắp đặt cách âm, sơn, chống cháy thụ động và lắp đặt, cho thuê giàn giáo.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Giàn giáo Công nghiệp có trụ sở chính tại thôn 1, xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ lắp đặt và dựng giàn giáo. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### *Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thụy Điển	Vällebergsvägen 8, 459 30 Ljungskile, Thụy Điển
Văn phòng đại diện	Văn phòng số 01 tầng 15, tòa nhà SSG, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 354 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 486 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thu tiền đối với từng khách hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thanh toán tiền đối với từng nhà cung cấp.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06

## **11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 07

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành từ 01 – 03% trên doanh thu công trình có yêu cầu bảo hành (năm trước là 01 – 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### 16. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc phân phối cổ tức cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.871.808.761	1.228.864.028
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.472.807.739	92.043.757
<b>Cộng</b>	<b><u>5.344.616.500</u></b>	<b><u>1.320.907.785</u></b>

##### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19a).

Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 9.698.491 VND (năm trước là 90.044.776 VND).

##### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	43.705.010.676	13.827.735.139
Công ty TNHH Strategic Marine (V)	1.732.679.482	1.732.679.482
Công ty Hyundai Engineering Co., Ltd. Hàn Quốc – Thầu chính gói thầu G – Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam	-	4.146.164.904
Các khách hàng khác	18.628.825.181	5.127.957.965
<b>Cộng</b>	<b><u>64.066.515.339</u></b>	<b><u>24.834.537.490</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cherrit International (Far East) Pte Ltd.	379.345.620	817.223.158
Công ty Cổ phần Viettech Việt Nam	200.868.000	-
Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng	173.920.000	-
Công ty TNHH Ô tô Hyundai Miền Nam – Trả trước mua sắm tài sản cố định	-	932.000.000
Gouda Refractories B.V	-	688.834.388
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Công nghiệp Tiên Phong	-	564.000.000
Các nhà cung cấp khác	83.282.067	531.627.920
<b>Cộng</b>	<b><u>837.415.687</u></b>	<b><u>3.533.685.466</u></b>

##### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>		
Ông Hồ Minh Kha	-	9.050.000.000
Ông Lê Xuân Mẫn	-	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>20.050.000.000</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 6. Phải thu khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	<b>432.433.333</b>	-
Ông Hồ Minh Kha – Tiền lãi cho vay	-	-	276.349.999	-
Ông Lê Xuân Mẫn – Tiền lãi cho vay	-	-	116.083.334	-
Ông Lê Xuân Mẫn – Tạm ứng	-	-	40.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.449.867.234</b>	-	<b>4.042.262.243</b>	-
Tạm ứng	200.615.178	-	420.002.889	-
Các khoản đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	6.180.267.810	-	2.995.556.120	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	504.866.038	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	68.984.246	-	121.837.196	-
<b>Cộng</b>	<b>6.449.867.234</b>	-	<b>4.474.695.576</b>	-

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản đặt cọc, ký quỹ dài hạn	1.024.438.983	-	1.175.139.993	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	196.594.864	-	91.230.034	-
<b>Cộng</b>	<b>1.221.033.847</b>	-	<b>1.266.370.027</b>	-

### 7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Strategic Marine (V)	Trên 03 năm	1.732.679.482	-	Trên 03 năm	1.732.679.482	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	1.187.793.332	356.338.000
	Trên 03 năm	1.137.026.058	-	Trên 03 năm	7.601.000	-
<b>Cộng</b>		<b>2.869.705.540</b>	-		<b>2.928.073.814</b>	<b>356.338.000</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.571.735.815	2.250.783.909
Trích lập dự phòng bổ sung	297.969.725	320.951.906
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.869.705.540</b>	<b>2.571.735.815</b>

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	8.541.575.313	-	2.848.866.858	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.829.172.215	-	30.063.003.829	-
Công cụ, dụng cụ	1.821.106.808	-	782.387.466	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.227.970.809	-	78.364.564.059	-
Thành phẩm	3.620.831.720	-	2.043.663.759	-
Hàng hóa	39.305.711	-	20.926.368	-
<b>Cộng</b>	<b>80.079.962.576</b>	-	<b>114.123.412.339</b>	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	246.374.538	480.622.069
Chi phí sửa chữa	58.743.940	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	386.095.072	394.106.862
<b>Cộng</b>	<b>691.213.550</b>	<b>874.728.931</b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.570.787.636	5.830.561.307
Chi phí sửa chữa	200.905.369	126.631.718
Các chi phí trả trước dài hạn khác	403.469.613	410.072.831
<b>Cộng</b>	<b>2.175.162.618</b>	<b>6.367.265.856</b>

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	6.391.951.298	9.827.692.727	14.031.186.825	641.184.252	30.892.015.102
Mua trong năm	36.500.000	678.800.000	3.482.322.843	46.390.000	4.244.012.843
Mua lại tài sản cố định					
thuê tài chính	-	271.566.394	486.000.000	-	757.566.394
Thanh lý trong năm	-	(2.866.126.573)	(1.454.409.367)	-	(4.320.535.940)
Phân loại lại sang TSCĐ thuê tài chính	-	(261.267.210)	(5.436.760)	-	(266.703.970)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.428.451.298</b>	<b>7.650.665.338</b>	<b>16.539.663.541</b>	<b>687.574.252</b>	<b>31.306.354.429</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.583.815.107	3.537.041.182	418.708.512	6.539.564.801
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	2.911.977.670	5.080.246.680	6.471.322.776	515.404.890	14.978.952.016
Khấu hao trong năm	846.857.332	685.003.131	1.595.484.617	63.584.205	3.190.929.285
Mua lại tài sản cố định					
thuê tài chính	-	132.332.196	192.967.742	-	325.299.938
Thanh lý trong năm	-	(932.301.458)	(446.565.525)	-	(1.378.866.983)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.758.835.002</b>	<b>4.965.280.549</b>	<b>7.813.209.610</b>	<b>578.989.095</b>	<b>17.116.314.256</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	3.479.973.628	4.747.446.047	7.559.864.049	125.779.362	15.913.063.086
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.669.616.296</b>	<b>2.685.384.789</b>	<b>8.726.453.931</b>	<b>108.585.157</b>	<b>14.190.040.173</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.572.785.382 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	2.645.022.109	486.000.000	3.131.022.109
Thuê tài chính trong năm	1.980.791.284	1.092.753.523	3.073.544.807
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(271.566.394)	(486.000.000)	(757.566.394)
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	266.703.970	-	266.703.970
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.620.950.969</b>	<b>1.092.753.523</b>	<b>5.713.704.492</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	679.817.474	186.967.742	866.785.216
Khấu hao trong năm	810.845.248	188.133.880	998.979.128
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(132.332.196)	(192.967.742)	(325.299.938)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.358.330.526</b>	<b>182.133.880</b>	<b>1.540.464.406</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.965.204.635	299.032.258	2.264.236.893
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.257.183.683</b>	<b>916.056.403</b>	<b>4.173.240.086</b>

#### 12. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	318.952.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>318.952.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	55.600.000
Chờ thanh lý	-
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	86.324.400
Khấu hao trong năm	52.670.400
<b>Số cuối năm</b>	<b>138.994.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	232.627.600
<b>Số cuối năm</b>	<b>179.957.200</b>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kingspan Insulation Pte. Ltd	5.924.937.642	-
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease	1.541.014.916	2.949.661.927
Công ty TNHH Mirae Industry Vũng Tàu	548.549.280	2.976.022.920
Các nhà cung cấp khác	8.580.908.077	10.069.225.643
<b>Cộng</b>	<b>16.595.409.915</b>	<b>15.994.910.490</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CIMC Liquid Process Technology Co., Ltd.	1.319.058.020	2.464.182.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	820.534.200	1.215.920.790
Công ty TNHH Kinh doanh Nông sản Việt Nam	747.751.396	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Thái Nam	474.627.000	-
Công ty TNHH Công nghiệp (CNI)	-	2.607.091.451
Các khách hàng khác	127.665.160	1.873.024.301
<b>Cộng</b>	<b><u>3.489.635.776</u></b>	<b><u>8.160.218.542</u></b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.372.688.406	-	15.422.292.181	(9.942.648.834)	6.852.331.753	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.155.160	3.862.350.175	(3.862.350.176)	-	3.155.161
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.232.008.707	(1.232.502.704)	-	493.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.702.916.041	-	6.507.240.436	(8.702.769.041)	6.507.387.436	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.156.950.778	-	7.712.761.090	(7.772.249.669)	1.097.462.199	-
Thuế nhà thầu	-	-	7.407.589	(7.407.589)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	78.356.163	(78.356.163)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.232.555.225</u></b>	<b><u>3.155.160</u></b>	<b><u>34.822.416.341</u></b>	<b><u>(31.598.284.176)</u></b>	<b><u>14.457.181.388</u></b>	<b><u>3.649.158</u></b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Riêng trong giai đoạn từ 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024, các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mè Đen	6.490.325.900	8.913.412.133
Công ty TNHH Dịch vụ Giàn giáo Công nghiệp	16.914.536	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.507.240.436</u></b>	<b><u>8.913.412.133</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>177.329.014</i>	<i>151.043.768</i>
Ông Lê Xuân Mẫn – Chi phí lãi vay	106.808.619	15.258.373
Ông Hồ Minh Kha – Chi phí lãi vay	57.752.402	95.657.402
Ông Hoàng Ngọc Chương – Chi phí lãi vay	12.767.993	40.127.993
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>788.559.081</i>	<i>100.000.000</i>
Chi phí lãi vay	2.181.041	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	786.378.040	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>965.888.095</b>	<b>251.043.768</b>

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định.

#### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>1.585.026.300</i>	<i>900.000.000</i>
J&M Fredriksson Invest AB – Cổ tức phải trả	1.585.026.300	900.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.423.925.443</i>	<i>3.786.075.135</i>
Cổ tức phải trả	6.293.700	-
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.491.402.291	3.576.732.036
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	952.393.702	209.343.099
<b>Cộng</b>	<b>4.008.951.743</b>	<b>4.686.075.135</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Vay và nợ thuê tài chính

##### 19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>45.201.359.066</i>	<i>95.424.256.217</i>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu <sup>(i)</sup>	23.054.569.933	6.966.111.511
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu <sup>(ii)</sup>	8.179.487.735	69.871.650.936
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu <sup>(iii)</sup>	7.944.730.234	12.643.583.432
Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu <sup>(iv)</sup>	3.042.732.502	2.959.707.888
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu <sup>(v)</sup>	2.979.838.662	2.983.202.450
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>1.550.300.004</i>	<i>1.490.172.004</i>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>1.343.718.737</i>	<i>667.554.439</i>
<b>Cộng</b>	<b>48.095.377.807</b>	<b>97.581.982.660</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông Hồ Minh Kha.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất và nhà ở thuộc sở hữu của Ông Lê Xuân Mẫn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10), giấy tờ có giá thuộc sở hữu của Ông Hồ Minh Kha và quyền sử dụng đất và nhà ở thuộc sở hữu của Ông Hồ Minh Kha và Ông Hoàng Ngọc Chương.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.2) và quyền tài sản hình thành từ các hợp đồng đầu ra.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng cam kết bảo lãnh của Ông Hồ Minh Kha.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	95.424.256.217	127.034.588.772	-	(177.257.485.923)	45.201.359.066
Vay ngắn hạn cá nhân	-	4.400.000.000	-	(4.400.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.490.172.004	-	1.911.675.004	(1.851.547.004)	1.550.300.004
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	667.554.439	-	1.849.914.490	(1.173.750.192)	1.343.718.737
<b>Cộng</b>	<b>97.581.982.660</b>	<b>131.434.588.772</b>	<b>3.761.589.494</b>	<b>(184.682.783.119)</b>	<b>48.095.377.807</b>

#### 19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng <sup>(i)</sup></b>	<b>3.518.941.652</b>	<b>3.133.866.656</b>
Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	2.032.400.000	2.835.200.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu	691.875.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu	624.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	170.666.652	298.666.656
<b>Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</b>	<b>920.355.922</b>	<b>548.268.269</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.439.297.574</b>	<b>3.682.134.925</b>

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Tổng nợ</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	1.550.300.004	3.518.941.652	5.069.241.656
Nợ thuê tài chính	1.343.718.737	920.355.922	2.264.074.659
<b>Cộng</b>	<b>2.894.018.741</b>	<b>4.439.297.574</b>	<b>7.333.316.315</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	1.490.172.004	3.133.866.656	4.624.038.660
Nợ thuê tài chính	667.554.439	548.268.269	1.215.822.708
<b>Cộng</b>	<b>2.157.726.443</b>	<b>3.682.134.925</b>	<b>5.839.861.368</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền gốc phải trả	1.343.718.737	920.355.922	2.264.074.659
Lãi thuê phải trả	165.193.186	60.421.997	225.615.184
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>1.508.911.923</b>	<b>980.777.919</b>	<b>2.489.689.843</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	667.554.439	548.268.269	1.215.822.708
Lãi thuê phải trả	76.318.703	23.575.536	99.894.239
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>743.873.142</b>	<b>571.843.805</b>	<b>1.315.716.947</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	3.133.866.656	2.478.000.000	(1.911.675.004)	(181.250.000)	3.518.941.652
Nợ thuê tài chính	548.268.269	3.380.899.287	(1.849.914.490)	(1.158.897.144)	920.355.922
<b>Cộng</b>	<b>3.682.134.925</b>	<b>5.858.899.287</b>	<b>(3.761.589.494)</b>	<b>(1.340.147.144)</b>	<b>4.439.297.574</b>

### 19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 20. Dự phòng phải trả

#### 20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.086.372.529	1.191.389.875
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	2.566.846.354	1.060.175.797
Số hoàn nhập	(721.825.863)	(1.165.193.143)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.931.393.020</b>	<b>1.086.372.529</b>

#### 20b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.040.549.127	2.127.317.839
Trích lập trong năm	2.467.324.766	1.973.407.085
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(2.566.846.354)	(1.060.175.797)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.941.027.539</b>	<b>3.040.549.127</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.707.500	-	4.004.789	25.463.567.324	-	55.468.279.613
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	1.268.830.000	526.704.000	-	-	-	1.795.534.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	33.522.683.074	-	33.522.683.074
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	24.443.225	-	-	24.443.225
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>31.269.537.500</b>	<b>526.704.000</b>	<b>28.448.014</b>	<b>40.986.250.398</b>	<b>-</b>	<b>72.810.939.912</b>
Số dư đầu năm nay	31.269.537.500	526.704.000	28.448.014	40.986.250.398	-	72.810.939.912
Tăng vốn từ lợi nhuận	36.731.170.000	-	-	(36.731.170.000)	-	-
Tăng do góp vốn	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.827.518.798	(1.526.768)	20.825.992.030
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(18.280.000.000)	-	(18.280.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	(707.500)	-	8.010.500	-	-	7.303.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>526.704.000</b>	<b>36.458.514</b>	<b>6.802.599.196</b>	<b>18.473.232</b>	<b>75.384.234.942</b>

Trong năm Công ty tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành thêm 3.673.117 cổ phần từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 030623/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 6 năm 2023.

Công ty đã tiến hành chia cổ tức cho niên độ 2022-2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 200723/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 với số tiền 4.000.000.000 VND và tạm ứng cổ tức năm 2023-2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 240110/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 với số tiền 14.280.000.000 VND.

#### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Hồ Minh Kha	43.617.797.179	21.000.000.000
Ông Lê Xuân Mẫn	16.014.190.077	7.500.000.000
J&M Fredriksson Invest AB	3.262.034.429	1.500.707.500
Bà Phạm Thị Kim Xuyên	1.360.000.000	-
Các cổ đông khác	3.745.978.315	1.268.830.000
<b>Cộng</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>31.269.537.500</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	
Ông Hồ Minh Kha	43.617.797.179	64,14%	43.617.797.179
Ông Lê Xuân Mẫn	16.014.190.077	23,55%	16.014.190.077
J&M Fredriksson Invest AB	3.262.034.429	4,80%	3.262.034.429
Bà Phạm Thị Kim Xuyên	1.360.000.000	2,00%	1.360.000.000
Các cổ đông khác	3.745.978.315	5,51%	3.745.978.315
<b>Cộng</b>	<b>68.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>68.000.000.000</b>

Trong năm Ông Hồ Minh Kha và Ông Lê Xuân Mẫn đã chuyển nhượng một số cổ phần của mình cho các cổ đông riêng lẻ là các công nhân viên trong công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.800.000	3.126.883
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.800.000	3.126.883
- Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	3.126.883
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.800.000	3.126.883
- Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	3.126.883
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21d. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng SEK sang VND.

## 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

### 22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.080.000.000	1.080.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.140.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.220.000.000</u></b>	<b><u>1.080.000.000</u></b>

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tổng số tiền thuê 2.500 m<sup>2</sup> đất tại Đường số 05, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với giá thuê là 90.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2019 và được gia hạn đến ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Phụ lục số 03 ngày 23 tháng 4 năm 2024.

### 22b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	100,00	100,00
Euro (EUR)	301,32	386,40
Swedish Krona (SEK)	15.350,54	1.841,00

### 22c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S	947.381.813	947.381.813	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thép Quatron	580.498.491	580.498.491	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại An toàn Kỹ thuật chất lượng cao QTS	814.643.667	814.643.667	Không có khả năng thu hồi
Các khách hàng khác	832.654.241	820.729.297	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b><u>3.175.178.212</u></b>	<b><u>3.163.253.268</u></b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	62.472.715.251	30.661.639.883
Doanh thu bán thành phẩm	6.225.289.138	18.791.967.953
Doanh thu cung cấp dịch vụ	239.447.691.297	279.548.321.067
<b>Cộng</b>	<b>308.145.695.686</b>	<b>329.001.928.903</b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.024.226.373	20.767.878.396
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.003.578.811	12.173.420.429
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	213.270.154.337	226.902.748.034
<b>Cộng</b>	<b>256.297.959.521</b>	<b>259.844.046.859</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	755.485.090	1.362.662.038
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.735.139	35.438.921
Lãi cho vay	454.558.334	392.433.333
Chiết khấu thanh toán được hưởng	15.001.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	756.395.745	575.190.910
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.220.150	-
<b>Cộng</b>	<b>2.001.396.058</b>	<b>2.365.725.202</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.331.272.898	10.912.733.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	108.793.737	1.026.234.921
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	13.222.398
Chi phí tài chính khác	506.375	12.800
<b>Cộng</b>	<b>10.440.573.010</b>	<b>11.952.203.541</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.304.606	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.322.292	-
Các chi phí khác	54.133.873	-
<b>Cộng</b>	<b>397.760.771</b>	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20.468.701.237	12.951.742.234
Chi phí đồ dùng văn phòng	291.415.255	323.439.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.118.538.062	1.089.182.765
Thuế, phí và lệ phí	24.186.718	13.344.180
Dự phòng phải thu khó đòi	297.969.725	320.951.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.657.051.181	1.845.533.132
Các chi phí khác	4.014.251.290	1.572.908.651
<b>Cộng</b>	<b><u>28.872.113.468</u></b>	<b><u>18.116.970.192</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	13.940.648.200	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.086.372.530	1.191.389.876
Thu nhập khác	178.021.384	96.390.280
<b>Cộng</b>	<b><u>15.205.042.114</u></b>	<b><u>1.287.780.156</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ	1.169.477.261	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	520.834.348	277.605.182
Xóa sổ nợ khó đòi	11.924.944	-
Chi phí khác	308.258.069	28.513.280
<b>Cộng</b>	<b><u>2.010.494.622</u></b>	<b><u>306.118.462</u></b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	20.827.518.798	33.522.683.074
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	20.827.518.798	33.522.683.074
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.800.000	6.714.539
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.063</u></b>	<b><u>4.993</u></b>

##### 9b. Thông tin khác

Ngày 03 tháng 6 năm 2023 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 11.022 VND xuống còn 4.993 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.737.443.739	164.028.347.651
Chi phí nhân công	118.321.058.450	93.475.130.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.242.578.813	3.856.770.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.984.739.700	30.621.487.579
Chi phí khác	11.189.190.908	8.284.406.803
<b>Cộng</b>	<b>215.475.011.610</b>	<b>300.266.143.476</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

#### Giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh giao dịch cản trừ nợ phải thu thanh lý tài sản cố định với các khoản nợ phải trả và đặt cọc với số tiền 792.322.305 VND.

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Hồ Minh Kha</b>		
Cho vay	-	9.050.000.000
Lãi cho vay	157.350.001	276.349.999
Đặt cọc mua đất	3.400.000.000	-
Tạm ứng	192.973.929	-
Lãi vay	673.056.000	673.056.000
Chia cổ tức	6.215.536.500	-
<b>Ông Lê Xuân Mẫn</b>		
Tạm ứng	558.194.687	150.000.000
Lãi cho vay	297.208.333	116.083.334
Cho vay	-	11.000.000.000
Vay	4.400.000.000	-
Lãi vay	204.489.377	183.100.488
Chia cổ tức	2.282.022.075	-
<b>Ông Hoàng Ngọc Chương</b>		
Lãi vay	328.320.000	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Địa chỉ: Đường số 6, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Lê Xuân Mẫn, Ông Hồ Minh Kha và Ông Hoàng Ngọc Chương đã dùng giấy tờ có giá và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

Ông Hồ Minh Kha cam kết bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.19a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6a và V.16.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.241.297.532	3.829.431.386
Phụ cấp	295.835.012	376.104.553
<b>Cộng</b>	<b>5.537.132.544</b>	<b>4.205.535.939</b>

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác của Tập đoàn chỉ có J&M Fredriksson Invest AB (là cổ đông góp vốn).

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Trong năm Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho J&M Fredriksson Invest AB với số tiền 876.910.420 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

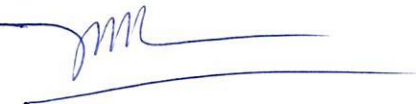
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.18.

### **2. Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống cách nhiệt và cho thuê giàn giáo, các dịch vụ này không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế. Trong năm, Tập đoàn chủ yếu cung cấp dịch vụ trong nước và thị trường tại các khu vực địa lý trong nước cũng không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận.

### **3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thị Mỹ Liên**  
Người lập/Kê toán trưởng



TP. Vũng Tàu, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**Lê Xuân Mẫn**  
Giám đốc